

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI  
KHOA LUẬT

QUÁCH TRỌNG SƠN

**ĐÁNH GIÁ CHỨNG CỨ  
TRONG LUẬT TỔ TỤNG HÌNH SỰ VIỆT NAM**

*Chuyên ngành:* Luật Hình sự và tổ tụng hình sự  
*Mã số:* 60 38 01 04

**TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC**

HÀ NỘI - 2015

**Công trình được hoàn thành tại  
Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội**

**Cán bộ hướng dẫn khoa học: TS. ĐỖ THỊ PHƯỢNG**

*Phản biện 1:* .....

*Phản biện 2:* .....

**Luận văn được bảo vệ tại Hội đồng chấm luận văn, họp tại  
Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội.**

*Vào hồi ..... giờ ....., ngày ..... tháng ..... năm 2015*

**Có thể tìm hiểu luận văn tại**

**Trung tâm tư liệu Khoa Luật – Đại học Quốc gia Hà Nội**

**Trung tâm Thông tin – Thư viện, Đại học Quốc gia Hà Nội**

# MỤC LỤC CỦA LUẬN VĂN

*Trang*

Trang phụ bì

Lời cam đoan

Mục lục

Danh mục các chữ viết tắt

<b>MỞ ĐẦU</b> .....	1
<b>Chương 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ ĐÁNH GIÁ CHỨNG CỨ TRONG PHÁP LUẬT TỔ TỤNG HÌNH SỰ</b> .....	6
<b>1.1. Khái niệm và cơ sở của đánh giá chứng cứ</b> .....	6
1.1.1. Khái niệm chứng cứ và đánh giá chứng cứ .....	6
1.1.2. Cơ sở của việc đánh giá chứng cứ .....	10
<b>1.2. Các nguyên tắc, chủ thể và phương pháp đánh giá chứng cứ</b> ....	13
1.2.1. Các nguyên tắc đánh giá chứng cứ .....	13
1.2.2. Chủ thể đánh giá chứng cứ.....	14
1.2.3. Phương pháp đánh giá chứng cứ.....	17
<b>1.3. Quy định về đánh giá chứng cứ trong pháp luật tố tụng hình sự một số nước trên thế giới</b> .....	19
1.3.1. Quy định về đánh giá chứng cứ trong pháp luật tố tụng hình sự Liên bang Nga .....	19
1.3.2. Quy định về đánh giá chứng cứ trong pháp luật tố tụng hình sự một số nước Châu Á khác .....	23
<b>KẾT LUẬN CHƯƠNG 1</b> .....	29
<b>Chương 2: QUY ĐỊNH CỦA BỘ LUẬT TỔ TỤNG HÌNH SỰ VIỆT NAM HIỆN HÀNH VỀ ĐÁNH GIÁ CHỨNG CỨ VÀ THỰC TIỄN ÁP DỤNG</b> .....	30
<b>2.1. Quy định của Bộ luật tố tụng hình sự Việt Nam hiện hành về đánh giá chứng cứ</b> .....	30

2.1.1. Đánh giá chứng cứ từ lời khai của người tham gia tố tụng .....	30
2.1.2. Đánh giá chứng cứ từ kết luận giám định.....	34
2.1.3. Đánh giá chứng cứ là vật chứng .....	38
2.1.4. Đánh giá chứng cứ là các loại biên bản về hoạt động điều tra, xét xử và các tài liệu, đồ vật khác .....	41
<b>2.2. Thực tiễn áp dụng các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự Việt Nam hiện hành về đánh giá chứng cứ.....</b>	<b>43</b>
2.2.1. Đánh giá chứng cứ trong giai đoạn khởi tố và điều tra .....	43
2.2.2. Đánh giá chứng cứ trong giai đoạn truy tố .....	51
2.2.3. Đánh giá chứng cứ trong giai đoạn xét xử sơ thẩm, phúc thẩm .....	55
2.2.4. Nguyên nhân của những vướng mắc trong hoạt động đánh giá chứng cứ .....	60
<b>KẾT LUẬN CHƯƠNG 2.....</b>	<b>66</b>
<b>Chương 3: MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT TỐ TỤNG HÌNH SỰ VIỆT NAM VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG ĐÁNH GIÁ CHỨNG CỨ.....</b>	<b>67</b>
<b>3.1. Hoàn thiện pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam và các văn bản pháp luật khác có liên quan về đánh giá chứng cứ.....</b>	<b>67</b>
3.1.1. Hoàn thiện pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam .....	67
3.1.2. Hoàn thiện văn bản pháp luật khác liên quan .....	70
<b>3.2. Giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động đánh giá chứng cứ.....</b>	<b>71</b>
3.2.1. Cơ chế quản lý, đào tạo cán bộ .....	71
3.2.2. Đảm bảo cơ sở vật chất .....	73
3.2.3. Tăng cường sự phối hợp giữa Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án trong đánh giá chứng cứ.....	73
3.2.4. Tăng cường vai trò tham gia và nâng cao chất lượng của người bào chữa trong quá trình giải quyết vụ án hình sự.....	76
<b>KẾT LUẬN .....</b>	<b>80</b>
<b>TÀI LIỆU THAM KHẢO .....</b>	<b>82</b>

## MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của đề tài

Trong tố tụng hình sự, chứng cứ đóng một vai trò quan trọng vừa mang tính lý luận phức tạp, vừa mang tính thực tiễn cao. Chứng cứ là căn cứ để CQĐT, VKS và Tòa án xác định sự thật khách quan của vụ án. Quá trình giải quyết vụ án hình sự phải trải qua nhiều giai đoạn khác nhau. Tuy nhiên ở giai đoạn nào các chủ thể cũng phải sử dụng những phương tiện để làm sáng tỏ những tình tiết của vụ án. Đó là những tình tiết về thời gian, địa điểm thực hiện tội phạm; có hành vi phạm tội xảy ra hay không; có lỗi hay không có lỗi; do cố ý hay vô ý... Để đáp ứng được vấn đề này, cơ quan tiến hành tố tụng phải đánh giá chứng cứ. Đây là một hoạt động rất quan trọng trong quá trình chứng minh, nó có ý nghĩa nhất định trong việc tìm ra sự thật khách quan của vụ án.

Hiện nay ở Việt Nam, tình trạng tội phạm ngày càng tinh vi, phức tạp. Để đánh giá chính xác những thông tin có từ vật chứng, lời khai, kết luận giám định... không phải là việc dễ dàng. Chủ thể tố tụng cần chủ động, linh hoạt, vận dụng những biện pháp phù hợp để có được những thông tin chính xác phục vụ cho quá trình giải quyết vụ án. Trong những năm qua, ngoài những kết quả đạt được thì hoạt động đánh giá chứng cứ các vụ án hình sự vẫn còn nhiều hạn chế. Nhiều vụ án bị bế tắc ngay từ khâu thẩm vấn do áp dụng không đúng các biện pháp kiểm tra, đánh giá chứng cứ. Nhiều trường hợp đánh giá chứng cứ không đúng những thông tin có trong các tài liệu thu thập được dẫn đến làm oan người vô tội, bỏ lọt tội phạm. Bên cạnh đó tình trạng vi phạm pháp luật tố tụng hình sự trong quá trình đánh giá chứng cứ vẫn diễn ra khá phổ biến, để lại nhiều hậu quả nghiêm trọng. Chính vì vậy, việc nghiên cứu những quy định của pháp luật tố tụng hình sự về đánh giá chứng cứ để từ đó nâng cao hiệu quả của hoạt động này là việc làm hết sức cần thiết. Do đó, tác giả chọn đề tài: “Đánh

*giá chứng cứ trong luật tố tụng hình sự Việt Nam*” với mong muốn đóng góp một phần nhỏ trong việc nâng cao hiệu quả của hoạt động đánh giá chứng cứ, qua đó nhằm góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả cho công tác đấu tranh và phòng chống tội phạm.

## **2. Tình hình nghiên cứu đề tài**

Chứng cứ và chứng minh trong tố tụng hình sự là một trong những vấn đề trọng tâm của tố tụng hình sự nên được nhiều nhà khoa học quan tâm, nghiên cứu. trong các sách báo pháp lý cũng có nhiều công trình đề cập đến dưới góc độ sách chuyên khảo, tham khảo có thể kể đến các công trình sau: 1) “*Chế định chứng cứ trong Luật tố tụng hình sự Việt Nam*” (Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005, tái bản năm 2009) của TS. Trần Quang Tiệp; 2) “*Chứng cứ và chứng minh trong vụ án hình sự*” (Nxb Tư pháp, Hà Nội, 2006) của TS. Đỗ Văn Đương; 3) “*Chứng cứ trong Luật tố tụng hình sự Việt Nam*” (Nxb Tư pháp, Hà Nội, 2005) của ThS. Nguyễn Văn Cừ; v.v... Những công trình này bước đầu đã làm sáng tỏ một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chứng cứ, nguồn chứng cứ và quá trình chứng minh trong vụ án hình sự.

Dưới góc độ bài viết đăng trên các tạp chí khoa học pháp lý có những công trình như: 1) “*Đối tượng chứng minh và nghĩa vụ chứng minh trong Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003*” (Tạp chí Kiểm sát, số 6/2004); 2) “*Một số vấn đề lý luận về phương pháp thu thập, kiểm tra, đánh giá chứng cứ trong vụ án hình sự*” (Tạp chí Nhà nước và pháp luật, số 5/2007); và 3) “*Về chứng cứ và chứng minh trong tố tụng hình sự*” (Tạp chí Kiểm sát, số 9, 10/2008) của TS. Trần Quang Tiệp; 4) “*Khái niệm chứng cứ trong luật tố tụng hình sự: Nhìn từ góc độ lịch sử và luật so sánh*” (Tạp chí Nhà nước và pháp luật, số 11/2005) của TS. Nguyễn Văn Du; 5) “*Chứng minh và chứng cứ trong hoạt động điều tra hình sự*” (Tạp chí Trật tự an toàn xã hội, số 3/1999) của PGS. TS Phạm Tuấn Bình; 6) “*Giới hạn chứng minh trong tố tụng hình sự*”(Tạp chí Luật học, số 4/1997); 7) “*Đánh giá chứng*

*cứ trong tố tụng hình sự*” (Tập chí Luật học, số 6/2000) của TS. Bùi Kiên Điện; 8) “*Về chứng cứ và nguồn chứng cứ quy định tại Điều 64 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003*” (Tập chí Nghề luật, số 2/2006) của TS. Trịnh Tiến Việt; 9) “*Một số ý kiến về chứng cứ trong vụ án hình sự*” (Tập chí Kiểm sát, số 9/2008) của tác giả Nguyễn Văn Bốn; 10) “*Hoàn thiện chế định về chứng cứ và chứng minh trong tố tụng hình sự*” (Tập chí Kiểm sát số 9, 10/2008) của TS. Mai Thế Bày; v.v... Các công trình này ít nhiều đã đề cập đến các góc độ khác nhau về lý luận của chế định chứng cứ, nhấn mạnh đến khái niệm chứng cứ, nguồn chứng cứ, vai trò của chứng cứ trong quá trình chứng minh, cũng như phương pháp thu thập, kiểm tra, đánh giá chứng cứ trong vụ án hình sự và việc hoàn thiện chế định chứng cứ trong BLTTHS. Ngoài ra, công trình “*Thu thập, đánh giá và sử dụng chứng cứ trong điều tra vụ án hình sự ở Việt Nam hiện nay*” là luận án tiến sĩ luật học của tác giả Đỗ Văn Dương (Học viện cảnh sát nhân dân, Hà Nội, 2000) đi sâu vào vấn đề nghiệp vụ là thu thập, đánh giá và sử dụng chứng cứ trong điều tra vụ án hình sự ở Việt Nam hiện nay.

Tương tự, vấn đề chứng cứ còn được phân tích và đề cập trong một số giáo trình, sách tham khảo, bình luận như: 1) “*Giáo trình Luật tố tụng hình sự Việt Nam*” (Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, 2001) của tập thể tác giả do PGS. TS Nguyễn Ngọc Chí chủ biên; 2) “*Giáo trình Luật tố tụng hình sự Việt Nam*” (Nxb Công an nhân dân, Hà Nội, 2002) của tập thể tác giả do GS. TS Võ Khánh Vinh chủ biên; 3) “*Giáo trình Luật tố tụng hình sự Việt Nam*” (Nxb Công an nhân dân, Hà Nội, 2009) của tập thể tác giả do PGS. TS Hoàng Thị Minh Sơn chủ biên; 4) “*Bình luận khoa học Bộ luật tố tụng hình sự Việt Nam năm 2003*” (Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2004) của tập thể tác giả; 5) “*Bình luận khoa học Bộ luật tố tụng hình sự*” (Nxb Công an nhân dân, Hà Nội, 2004) của tập thể tác giả do PGS. TS Võ Khánh Vinh chủ biên; 6) “*Những vấn đề lý luận và thực tiễn áp dụng pháp luật tố tụng hình sự ở Việt Nam*” của tập thể tác giả do PGS. TS Trần

Minh Hưởng và TS. Trịnh Tiến Việt đồng chủ biên (Nxb Lao động, Hà Nội, 2011), v.v...

Như vậy, các công trình nói trên đã đề cập đến các khía cạnh khác nhau về chứng cứ hoặc quá trình chứng minh trong vụ án hình sự, nhưng chưa có công trình nào đi sâu nghiên cứu một cách toàn diện, đồng bộ và có hệ thống về đánh giá chứng cứ cùng một lúc dưới góc độ lý luận và thực tiễn ở Việt Nam hiện nay.

### **3. Mục đích, nhiệm vụ và phạm vi nghiên cứu đề tài**

Mục đích nghiên cứu đề tài: Trên cơ sở nghiên cứu những vấn đề lý luận về đánh giá chứng cứ và thực tiễn áp dụng các quy định của luật tố tụng hình sự Việt Nam về đánh giá chứng cứ, luận văn sẽ đưa ra một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả của hoạt động đánh giá chứng cứ.

Nhiệm vụ nghiên cứu đề tài: Nghiên cứu những vấn đề lý luận về đánh giá chứng cứ theo luật tố tụng hình sự Việt Nam; Nghiên cứu đánh giá thực tiễn áp dụng các quy định của luật tố tụng hình sự về hoạt động đánh giá chứng cứ của các cơ quan tiến hành tố tụng; Đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả của hoạt động đánh giá chứng cứ.

Phạm vi nghiên cứu: Đề tài tập trung nghiên cứu các quy định của pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam về đánh giá chứng cứ. Đồng thời đề tài cũng nghiên cứu thực tiễn áp dụng quy định của pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam về đánh giá chứng cứ trong vòng 10 năm trở lại đây.

### **4. Phương pháp luận và các phương pháp nghiên cứu**

Đề tài được nghiên cứu trên cơ sở phương pháp luận duy vật biện chứng và duy vật lịch sử Mác xít, tư tưởng Hồ Chí Minh. Các phương pháp nghiên cứu cụ thể sau sẽ được dùng để nghiên cứu đề tài luận văn như: Phương pháp phân tích, tổng hợp, so sánh, khảo sát thực tế...

### **5. Những điểm mới đóng góp của luận văn**

- Luận văn đã làm rõ một số vấn đề lý luận về đánh giá chứng cứ như



khái niệm, cơ sở lý luận, đặc điểm của hoạt động đánh giá chứng cứ. Đồng thời luận văn cũng phân tích và làm sáng tỏ hoạt động đánh giá chứng cứ trong một số nước trên thế giới.

- Luận văn đã làm rõ được thực tiễn áp dụng các quy định của BLTTHS về đánh giá chứng cứ tại một số địa phương trên cả nước những năm gần đây.

- Luận văn đã đưa ra được một số đề xuất nhằm hoàn thiện luật tố tụng hình sự Việt Nam về đánh giá chứng cứ và những giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả của hoạt động này trong thực tiễn giải quyết vụ án.

## **6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn**

Luận văn góp phần làm sáng tỏ những vấn đề lý luận về đánh giá chứng cứ theo luật tố tụng hình sự, góp phần xây dựng, hoàn thiện các tri thức của khoa học luật tố tụng hình sự. Bên cạnh đó, luận văn sẽ là một tài liệu tham khảo cần thiết và bổ ích dành cho không chỉ các nhà lập pháp mà còn cho các nhà nghiên cứu, các cán bộ giảng dạy pháp luật, các nghiên cứu sinh, học viên, cao học và sinh viên thuộc chuyên ngành Tư pháp hình sự tại các cơ sở đào tạo luật. Kết quả nghiên cứu của luận văn còn phục vụ cho các cán bộ thực tiễn đang công tác tại các CQĐT, VKS, Tòa án tại các địa phương trên cả nước.

## **7. Kết cấu của luận văn**

Ngoài phần mở đầu, kết luận và tài liệu tham khảo, luận văn được kết cấu gồm 3 chương:

*Chương 1:* Những vấn đề lý luận về đánh giá chứng cứ trong pháp luật tố tụng hình sự.

*Chương 2:* Quy định của Bộ luật tố tụng hình sự Việt Nam hiện hành về đánh giá chứng cứ và thực tiễn áp dụng.

*Chương 3:* Một số giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam và nâng cao hiệu quả của hoạt động đánh giá chứng cứ.

## *Chương 1*

# **NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ ĐÁNH GIÁ CHỨNG CỨ TRONG PHÁP LUẬT TỐ TỤNG HÌNH SỰ**

### **1.1. Khái niệm và cơ sở của đánh giá chứng cứ**

#### ***1.1.1. Khái niệm chứng cứ và đánh giá chứng cứ***

Khoản 1 Điều 64 BLTTHS năm 2003 qui định: *“Chứng cứ là những gì có thật, được thu thập theo trình tự, thủ tục do Bộ luật này quy định mà CQĐT, VKS và Tòa án dùng làm căn cứ để xác định có hay không có hành vi phạm tội, người thực hiện hành vi phạm tội cũng như những tình tiết khác cần thiết cho việc giải quyết đúng đắn vụ án”*.

Đánh giá chứng cứ là giai đoạn cuối cùng của quá trình chứng minh nhằm rút ra kết luận về vụ án trên cơ sở những thông tin, đồ vật, tài liệu thu thập được trong quá trình tố tụng, là hoạt động của chủ thể nhằm phân tích giá trị chứng minh làm rõ bản chất của chứng cứ, xem chứng cứ đó thuộc loại chứng cứ gì và có giá trị chứng minh những vấn đề nào trong vụ án. Đánh giá chứng cứ là quá trình xác định giá trị chứng minh của chứng cứ. Từ việc đánh giá chứng cứ mà cơ quan tiến hành tố tụng xác định được những đồ vật, tài liệu nào trong vụ án có giá trị chứng minh, những tài liệu nào không có giá trị chứng minh. Đây là hoạt động nhận thức của chủ thể đánh giá chứng cứ để tìm ra giá trị chứng minh của chứng cứ. Điều 66 BLTTHS năm 2003 quy định về đánh giá chứng cứ: *“Điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán và Hội thẩm xác định và đánh giá mọi chứng cứ với đầy đủ tinh thần trách nhiệm, sau khi nghiên cứu một cách tổng hợp, khách quan, toàn diện và đầy đủ tất cả các tình tiết của vụ án”*.

Trong quá trình chứng minh, việc đánh giá chứng cứ trong các giai đoạn khởi tố, điều tra chỉ mang tính sơ bộ, còn đánh giá chứng cứ trong giai đoạn xét xử là chính thức. Bởi lẽ, ở giai đoạn điều tra mục đích đánh giá đó chưa có tính quyết định. Nó có thể bị thay đổi ở các giai đoạn tiếp

theo. Dựa trên cơ sở các chứng cứ đã thu thập được, Hội đồng xét xử mới đánh giá tổng hợp để đưa ra kết luận về hành vi phạm tội của bị cáo. Hoạt động đánh giá chứng cứ trong giai đoạn xét xử sẽ kết thúc quá trình chứng minh trong vụ án hình sự. Dựa vào kết quả đánh giá chứng cứ, Hội đồng xét xử sẽ đưa ra được kết luận cuối cùng của vụ án xác định bị cáo có phạm tội hay không phạm tội, tội gì và áp dụng hình phạt nào theo quy định của Bộ luật hình sự. Từ những phân tích trên có thể hiểu khái niệm về đánh giá chứng cứ như sau: *“Đánh giá chứng cứ là tổng hợp hoạt động tư duy của những người tiến hành tố tụng hình sự nhằm xác định giá trị chứng minh của các chứng cứ với nhau. Việc đánh giá chứng cứ phải được tiến hành trên cơ sở các quy định của pháp luật hình sự và tố tụng hình sự, đồng thời phải dựa vào ý thức pháp luật và niềm tin nội tâm mới đảm bảo tính khách quan và chính xác”*.

### ***1.1.2. Cơ sở của việc đánh giá chứng cứ***

Cơ sở, phương pháp luận của việc đánh giá chứng cứ dựa trên quan điểm duy vật biện chứng của chủ nghĩa Mác – Lênin. Chủ nghĩa duy vật biện chứng cho rằng: Bản chất của thế giới là vật chất, con người có khả năng nhận thức được thế giới khách quan để cải tạo thế giới khách quan. Vật chất là thực tại khách quan tồn tại độc lập với ý thức và được ý thức phản ánh. Nội dung cơ bản của phép duy vật biện chứng gồm 2 nguyên lý, 3 quy luật, 6 cặp phạm trù. Chứng cứ cũng là một dạng vật chất nên vận động và phát triển theo đúng các quy luật của tự nhiên, xã hội và tư duy.

Cũng theo phép biện chứng duy vật, mỗi sự việc, hiện tượng luôn luôn vận động và biến đổi không ngừng. Những gì đã xảy ra từ hành vi phạm tội cũng vận động và biến đổi không nằm ngoài quy luật đó. Chẳng hạn vết máu trên con dao của hung thủ để lại ở hiện trường sẽ khô dần và phân hủy trong một khoảng thời gian nhất định. Nếu CQĐT không thu giữ con dao và giám định vết máu kịp thời thì sẽ không làm rõ được vết máu đó là máu gì, của ai, dẫn tới gặp khó khăn trong công tác điều tra. Chính từ

quy luật vận động của vật chất này mà Luật tố tụng hình sự quy định các thủ tục thu giữ, bảo quản vật chứng, xử lý vật chứng; khám nghiệm hiện trường và thu thập chứng cứ, trưng cầu giám định... Tất cả các thủ tục phải được tiến hành trong một thời gian nhất định, tránh sự biến đổi của vật chất từ dạng này sang dạng khác. Các hoạt động tiến hành tố tụng sẽ đi dần đến chân lý để tìm ra sự thật nhằm giải quyết đúng vụ án.

Nghiên cứu về cơ sở đánh giá chứng cứ sẽ giúp cho các cơ quan tiến hành tố tụng tìm ra được những cách thức sao cho phù hợp trong các hoạt động tố tụng của mình nhằm góp phần đánh giá chứng cứ hiệu quả.

## **1.2. Các nguyên tắc, chủ thể và phương pháp đánh giá chứng cứ**

### ***1.2.1. Các nguyên tắc đánh giá chứng cứ***

*Thứ nhất*, đánh giá chứng cứ khách quan, toàn diện và đầy đủ.

*Thứ hai*, đánh giá chứng cứ phải dựa trên cơ sở pháp luật.

*Thứ ba*, đánh giá chứng cứ phải dựa vào ý thức pháp luật.

*Thứ tư*, đánh giá chứng cứ dựa vào niềm tin nội tâm.

### ***1.2.2. Chủ thể đánh giá chứng cứ***

Theo quy định tại BLTTHS thì chủ thể của đánh giá chứng cứ bao gồm: Nhóm tiến hành tố tụng: gồm cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Cơ quan tiến hành tố tụng có CQĐT, VKS và Tòa án. Người tiến hành tố tụng gồm: Điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán và Hội thẩm.

Theo quy định của pháp luật tố tụng thì chủ thể của hoạt động đánh giá chứng cứ trong các giai đoạn tố tụng hình sự là khác nhau và ngay cả trong từng giai đoạn tố tụng cũng có sự khác nhau.

### ***1.2.3. Phương pháp đánh giá chứng cứ***

Có 2 phương pháp đánh giá chứng cứ là đánh giá từng chứng cứ riêng lẻ và đánh giá tổng hợp chứng cứ trong vụ án hình sự.

- Đánh giá từng chứng cứ riêng lẻ là hoạt động nhận thức của các chủ thể đối với mỗi chứng cứ đã thu thập được khi xét xử để kết luận về

giá trị chứng minh của nó. Trong giai đoạn xét xử vụ án hình sự thì đánh giá chứng cứ giúp cho hoạt động chứng minh đi đến kết luận cuối cùng của vụ án.

Đánh giá tổng hợp các chứng cứ trong các giai đoạn tố tụng là hoạt động nhận thức của các chủ thể đánh giá chứng cứ đối với các chứng cứ trong mối liên quan chặt chẽ với nhau nhằm xác định giá trị chứng minh của chúng và rút ra kết luận về vụ án.

### **1.3. Qui định về đánh giá chứng cứ trong pháp luật tố tụng hình sự một số nước trên thế giới**

#### ***1.3.1. Qui định về đánh giá chứng cứ trong pháp luật tố tụng hình sự Liên bang Nga***

Nhìn chung pháp luật tố tụng hình sự Liên bang Nga quy định nhiều quyền năng cụ thể cho người bị tình nghi, bị can, người bào chữa, người làm chứng, người bị hại đối với giám định tư pháp và trách nhiệm của cơ quan tố tụng trong việc đánh giá chứng cứ. Để xác định những tình tiết mới có ý nghĩa đối với vụ án hình sự, thì những lời khai trước đó của người bị hại, người làm chứng có thể được kiểm tra hoặc làm rõ tại nơi có liên quan đến sự kiện đang được điều tra; Kiểm tra lời khai tại chỗ được thể hiện ở việc người đã khai báo trước đó, tái hiện tại chỗ bối cảnh và những tình tiết của sự kiện đang được điều tra, chỉ ra những đồ vật, tài liệu, dấu vết có ý nghĩa đối với vụ án hình sự, diễn tả một số hành động nhất định. Nghiêm cấm bất kì sự can thiệp nào từ bên ngoài vào quá trình kiểm tra và những câu hỏi có tính chất gợi ý; Không được phép tiến hành đồng thời kiểm tra lời khai tại chỗ của một số người; Kiểm tra lời khai được bắt đầu bằng việc yêu cầu người khai báo chỉ địa điểm, nơi lời khai của họ cần được kiểm tra.

#### ***1.3.2. Qui định về đánh giá chứng cứ trong pháp luật tố tụng hình sự một số nước Châu Á khác***

Từ sự nghiên cứu pháp luật tố tụng hình sự của một số nước trên thế

giới như Liên bang Nga, Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản, Thái Lan..., về hoạt động đánh giá chứng cứ có thể rút ra nhận xét rằng, các nước quy định rất khác nhau về vấn đề này và có sự khác biệt so với Việt Nam. Sự khác biệt này có nhiều nguyên nhân, trong đó có nguyên nhân xuất phát từ tình hình kinh tế - xã hội, truyền thống lập pháp tố tụng hình sự, tình hình tội phạm, cũng như chính sách hình sự của mỗi quốc gia trong cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm.

## *Chương 2*

### **QUY ĐỊNH CỦA BỘ LUẬT TỐ TỤNG HÌNH SỰ VIỆT NAM HIỆN HÀNH VỀ ĐÁNH GIÁ CHỨNG CỨ VÀ THỰC TIỄN ÁP DỤNG**

#### **2.1. Quy định của Bộ luật tố tụng hình sự Việt Nam hiện hành về đánh giá chứng cứ**

##### ***2.1.1. Đánh giá chứng cứ từ lời khai của người tham gia tố tụng***

Lời khai của người tham gia tố tụng gồm có lời khai của người làm chứng, người bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người bị tạm giữ, bị can, bị cáo. Đây là lời trình bày về những tình tiết, sự kiện có liên quan đến vụ án của những người tham gia tố tụng. Đặc điểm chung về lời khai của những người tham gia tố tụng thể hiện các thông tin về vụ án được lưu giữ trong ý thức của họ (yếu tố chủ quan của con người) nên dễ bị ảnh hưởng bởi hoàn cảnh khách quan, năng lực tâm sinh lý, khả năng thu nhận thông tin.

##### ***2.1.2. Đánh giá chứng cứ từ kết luận giám định***

Trong quá trình thực hiện hoạt động điều tra, truy tố xét xử, nhằm làm rõ một số tình tiết cần chứng minh trong vụ án hình sự, CQĐT, VKS, Tòa án có quyền trưng cầu giám định. Theo quy định của BLTTHS thì giám định phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó phải ghi rõ: thời gian, địa điểm tiến hành giám định; Họ tên, văn hóa, trình độ chuyên môn của

người giám định, những người tham gia tiến hành giám định, những dấu vết đồ vật, tài liệu và tất cả chứng cứ có liên quan, những phương pháp được áp dụng và giải đáp những vấn đề được đặt ra có căn cứ cụ thể. Kết luận giám định phải có chữ kí của người giám định tư pháp, trong trường hợp tổ chức giám định phải có chữ kí của người đứng đầu tổ chức và đóng dấu. Trường hợp có ý kiến khác nhau thì người giám định có thể ghi ý kiến riêng vào văn bản.

### ***2.1.3. Đánh giá chứng cứ là vật chứng***

Để đánh giá vật chứng cần lưu ý những điểm sau:

- Vật được sử dụng làm vật chứng phải có đủ thuộc tính của chứng cứ.
- Việc thu thập vật đó được thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục do pháp luật tố tụng hình sự quy định.

Vật chứng là nguồn chứng cứ chứa đựng thông tin phản ánh về những vấn đề phải chứng minh và những tình tiết có ý nghĩa giải quyết đúng đắn vụ án hình sự nên cần thu thập kịp thời, đầy đủ, không để sót vật chứng. Vật chứng thường được phát hiện trong quá trình khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm tử thi, khám xét... Đây là những hoạt động liên quan đến CQĐT vì thế tạo điều kiện cho đáng giá, sử dụng vật chứng trong giai đoạn xét xử thì giai đoạn điều tra đảm bảo đúng thủ tục tố tụng về thu thập và bảo quản vật chứng. Nếu CQĐT không làm tốt khâu thu thập vật chứng, bảo quản vật chứng thì Tòa án cũng không có vật chứng để xử lý, ngoại trừ tại phiên tòa người tham gia tố tụng nộp vật chứng.

Vật chứng là những đồ vật cụ thể, chịu sự tác động của nhiều yếu tố khách quan và chủ quan nên dễ bị biến đổi, hư hỏng lẫn lộn, mất mát vì thế khi đánh giá chứng cứ Tòa án cần xem xét vật chứng đó có được niêm phong không, bảo quản nguyên vẹn không. Việc niêm phong bảo quản vật chứng là rất cần thiết vì có thể làm mất đi dấu vết của tội phạm, không giữ nguyên được tình trạng như được phát hiện, làm giảm giá trị chứng minh của vật chứng.

#### ***2.1.4. Đánh giá chứng cứ là các loại biên bản về hoạt động điều tra, xét xử và các tài liệu, đồ vật khác***

Các biên bản về hoạt động điều tra, xét xử là những văn bản pháp lý ghi nhận hoạt động điều tra xét xử của cơ quan tiến hành tố tụng. Khi đánh giá chứng cứ từ các loại biên bản trong hoạt động tố tụng, những người tiến hành tố tụng cần xem biên bản có được lập theo đúng trình tự thủ tục không, những người thực hiện hoạt động tố tụng có đúng thẩm quyền không; điều kiện và các bước tiến hành có được chặt chẽ không. Nếu biên bản vi phạm những điều kiện trên thì dẫn tới hậu quả biên bản không được công nhận là nguồn chứng cứ. Những người tiến hành tố tụng xem xét nội dung, tình tiết về vụ án có được khách quan, chính xác không, đã đầy đủ chưa; nếu ghi nhận không đầy đủ, không rõ ràng thì gây khó khăn cho việc đánh giá, sử dụng chứng cứ.

### **2.2. Thực tiễn áp dụng các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự Việt Nam hiện hành về đánh giá chứng cứ**

#### ***2.2.1. Đánh giá chứng cứ trong giai đoạn khởi tố và điều tra***

Trong giai đoạn khởi tố và điều tra, theo số liệu của cơ quan có thẩm quyền cho thấy, trong 6 năm từ 2008 đến 2013 CQĐT các cấp đã:

- Khởi tố, điều tra: 442.435 vụ/ 805.539 bị can
- Kết thúc điều tra đề nghị truy tố: 385.032 vụ/667.891 bị can.
- Đình chỉ điều tra: 10.401 vụ/ 13.145 bị can. Trong đó đình chỉ điều tra do không phạm tội 561 bị can, chiếm 0.06% tổng số bị can đình chỉ điều tra.

Tổng hợp số liệu thống kê 2008 đến 2013, VKS các cấp đã kiểm sát quá trình khởi tố, điều tra các vụ án hình sự và ban hành nhiều quyết định, kiến nghị để khắc phục sai sót trong giai đoạn khởi tố: VKS quyết định hủy bỏ quyết định khởi tố: 399 vụ/ 1.657 bị can; tự ra quyết định khởi tố, yêu cầu CQĐT tiến hành điều tra: 202 vụ/157 bị can; yêu cầu CQĐT khởi tố: 1.767 vụ/ 1.992 bị can. Tuy nhiên, quá trình thu thập, kiểm tra và đánh



giá chứng cứ của CQĐT cũng còn nhiều điểm tồn tại, thiếu sót thể hiện như sau:

*Thứ nhất:* Trong khi tiến hành điều tra các vụ án hình sự CQĐT các cấp đã đánh giá những chứng cứ không đảm bảo tính khách quan, dẫn đến việc giải quyết vụ án không đúng quy định của pháp luật, có việc CQĐT đã “hình sự hóa” các quan hệ dân sự, kinh tế, hành chính, lao động... xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của công dân.

*Thứ hai:* Khi tiến hành điều tra các vụ án hình sự CQĐT các cấp cũng đánh giá chứng cứ không đảm bảo tính hợp pháp dẫn đến việc có nhiều vụ án không được giải quyết theo quy định của pháp luật.

*Thứ ba:* Mặc dù bị pháp luật nghiêm cấm nhưng tình trạng bức cung, dùng nhục hình vẫn xảy ra ở một số địa phương, xâm hại trực tiếp đến sức khỏe, tính mạng của người bị nhục hình và gây ra các hậu quả nghiêm trọng khác như: làm sai lệch hồ sơ vụ án, làm oan, sai, gây tác động xấu đến dư luận xã hội, một số trường hợp còn gây hiệu quả đặc biệt nghiêm trọng.

*Thứ tư:* Còn tình trạng VKS trả hồ sơ cho CQĐT để điều tra bổ sung vì nhiều lý do, trong đó lý do thiếu những chứng cứ quan trọng chiếm tỷ lệ cao.

### **2.2.2. Đánh giá chứng cứ trong giai đoạn truy tố**

*Thứ nhất:* Khi thực hiện việc đánh giá chứng cứ để xem xét, truy tố các vụ án theo quy định của CQĐT, VKS một số địa phương đã không phát hiện được những vi phạm khi thu thập chứng cứ như: các chứng cứ được thu thập không hợp pháp, không bảo đảm tính liên quan cũng như khách quan dẫn đến có vụ án phải đình chỉ, trả hồ sơ điều tra bổ sung nhiều lần, thậm chí bị Tòa tuyên không phạm tội.

*Thứ hai:* Quá trình đánh giá chứng cứ khi giải quyết các vụ án hình sự còn có VKS mặc dù đã phát hiện những thiếu sót, vi phạm của CQĐT trong việc thu thập chứng cứ như: các chứng cứ được thu thập không hợp pháp, không đảm bảo tính liên quan cũng như khách quan nhưng vẫn chấp

nhận, sử dụng chứng cứ đó dẫn đến có vụ án phải đình chỉ, trả hồ sơ điều tra bổ sung nhiều lần, thậm chí bị Tòa án tuyên không phạm tội:

### ***2.2.3. Đánh giá chứng cứ trong giai đoạn xét xử sơ thẩm, phúc thẩm***

Hoạt động xét xử của Tòa án các cấp là quá trình kiểm tra, đánh giá chứng cứ công khai, toàn diện, bình đẳng và dân chủ tại phiên tòa, đây là khâu quyết định đối với toàn bộ quá trình tố tụng hình sự. Do đó, khác với các giai đoạn tố tụng trong nước, hoạt động thu thập, kiểm tra, đánh giá chứng cứ trong vụ án hình sự ở giai đoạn xét xử được tiến hành công khai tại phiên tòa với sự tham gia đầy đủ nhất của các chủ thể tiến hành và tham gia tố tụng hình sự. Trên cơ sở các chứng cứ, tài liệu đã được kiểm tra, xác minh, đánh giá công khai, bình đẳng và dân chủ tại phiên tòa, Tòa án mới có phán quyết khách quan, có căn cứ và đúng pháp luật. Nếu xảy ra vi phạm thì hậu quả sẽ vô cùng nghiêm trọng, vì khác với kết luận của CQĐT và bản cáo trạng của VKS, phán quyết của Tòa án là phán quyết cuối cùng, nhân danh Nhà nước, nhân danh công lý và quyết định số phận của một con người. Tòa án những năm qua cho thấy, các cơ quan tiến hành tố tụng đã thực hiện đánh giá chứng cứ bảo đảm đúng trình tự, thủ tục theo quy định nên đã truy tố, xét xử đúng người, đúng tội và đúng pháp luật. Tuy nhiên, việc xét xử còn nhiều điểm bất cập liên quan đến việc kiểm tra, đánh giá chứng cứ tại các phiên tòa hình sự. Cụ thể như sau:

*Thứ nhất:* Sai lầm trong việc xác định tội danh. Việc định tội danh là vấn đề quan trọng nhất trong việc xét xử vụ án hình sự. Về nguyên tắc, hình phạt phải tương xứng với tính chất và mức độ của hành vi phạm tội. Việc xác định tội danh sẽ quyết định đến mức hình phạt mà bị cáo phải gánh chịu. Điều này không chỉ ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bị cáo, đặc biệt là quyền bất khả xâm phạm về thân thể và hạn chế tự do của công dân mà còn gây ra nhiều hậu quả pháp lý khác mà bị cáo phải gánh chịu như: tính thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự, thời hạn xóa án tích, xác định tái phạm, tái phạm nguy hiểm. Thực tế, việc

xác định tội danh sai phần lớn là do thẩm phán xác định không đầy đủ các dấu hiệu khác nhau giữa tội phạm này với tội phạm khác; nhầm lẫn giữa tình tiết định tội với các tình tiết khác không phải là tình tiết định tội.

*Thứ hai:* Sai lầm trong việc dựa vào phán đoán các giả định, các tình tiết hoặc các chứng cứ không xác thực của vụ án dẫn đến xét xử không đúng quy định của pháp luật. Trên thực tế, một số phiên tòa do dựa vào các giả định để xác định bị cáo phạm tội giết người mà không dựa trên cơ sở các chứng cứ khác quan dẫn đến trường hợp sau nhiều năm, CQĐT tình cờ phát hiện ra hung thủ thực sự của vụ án trong các vụ án khác hoặc đang ở trong trại tạm giam với tội danh khác hay người bị coi là bị giết chết trở về sau nhiều năm biệt tích. Hiện nay, việc sử dụng chứng cứ không xác thực hoặc giả định là nguyên nhân phổ biến trong các vụ án oan, sai.

*Thứ ba:* Việc kiểm tra, đánh giá chứng cứ của một số Tòa án còn chưa toàn diện và chưa biện chứng, chưa bảo đảm nguyên tắc khách quan, một số ít thẩm phán còn có biểu hiện áp đặt suy nghĩ chủ quan, đáng giá, sử dụng chứng cứ theo linh cảm của mình dẫn đến sai lầm khi xét xử.

*Thứ tư:* Bên cạnh việc vi phạm nguyên tắc khách quan trong đánh giá chứng cứ, thì có một số Tòa án còn vi phạm nguyên tắc tổng hợp trong đánh giá chứng cứ dẫn đến sai lầm khi xét xử.

*Thứ năm:* Việc thu thập, kiểm tra, đánh giá chứng cứ của CQĐT, VKS trong các hoạt động tố tụng chưa đầy đủ (như: khám nghiệm hiện trường, tử thi, thực nghiệm kiểm tra, lấy lời khai, đối chất...) lẽ ra cần trả hồ sơ để điều tra bổ sung nhưng Tòa án vẫn quyết định đưa vụ án ra xét xử, dẫn đến việc chưa chứng minh rõ được sự thật khách quan của vụ án. Hội đồng xét xử ra phán quyết không đúng quy định của pháp luật.

*Thứ sáu:* Cũng do có sai lầm trong việc đánh giá chứng cứ khi xét xử nên dẫn đến sai lầm trong việc xác định khung hình phạt, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, phân hóa vai trò của từng bị cáo nên quyết định hình phạt không phù hợp với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, về nhân thân của bị cáo và các tình tiết khác.

#### ***2.2.4. Nguyên nhân của những vướng mắc trong hoạt động đánh giá chứng cứ***

*Một là:* Một số quy định của BLHS và BLTTHS hiện hành còn tồn tại nhiều vướng mắc, hạn chế, nhiều quy định còn mâu thuẫn chưa được hướng dẫn, giải thích kịp thời, cụ thể và đầy đủ, chẳng hạn, các quy định của BLHS về một số nhóm tội phạm về sở hữu, kinh tế, môi trường, các tình tiết định tội, định khung trong các cấu thành tội phạm; v.v... hay các quy định của BLTTHS về chứng cứ; v.v... còn chưa rõ ràng, chặt chẽ nên đã dẫn sự nhận thức và áp dụng chưa thống nhất giữa các cơ quan tiến hành tố tụng, giữa cấp trên và cấp dưới trong quá trình làm sáng tỏ vụ án.

*Hai là:* Việc tổ chức và hoạt động của các cơ quan tiến hành tố tụng nói chung, CQĐT nói riêng còn chưa thật sự hợp ý, nhất là gắn hoạt động trình sát với hoạt động điều tra dẫn đến việc điều tra, lập hồ sơ theo quy định của BLTTHS còn nhiều thiếu sót, hạn chế; chưa thực hiện đúng việc phân cấp về thẩm quyền điều tra giữa CQĐT ở cấp Trung ương và CQĐT cấp tỉnh.

*Ba là:* Hiện nay, cơ chế phối hợp giữa các cơ quan tiến hành tố tụng và giữa các CQĐT, VKS, Tòa án cấp trên và cấp dưới còn chưa chặt chẽ, nhất là giữa CQĐT và VKS trong quá trình chỉ đạo tố tụng. Đặc biệt, công tác kiểm sát việc nắm và giải quyết tin báo, tố giác về tội phạm của VKS các cấp còn bất cập, hạn chế; chưa xác định rõ cơ chế của việc ủy quyền và phân cấp trong ngành kiểm sát. *Bốn là:* Còn một số Điều tra viên, Kiểm tra viên, Thẩm phán và Hội thẩm trong các CQĐT, VKS và Tòa án các cấp do có những hạn chế nhất định về chuyên môn, nghiệp vụ; chưa nắm vững các quy định của BLTTHS về khái niệm chứng cứ, các thuộc tính của chứng cứ, nguồn chứng cứ, nghĩa vụ chứng minh, các vấn đề phải chứng minh, trình tự, thủ tục tiến hành các hoạt động đánh giá chứng cứ ở giai đoạn của quá trình chứng minh trong vụ án hình sự, vi phạm các nguyên tắc về thu thập, kiểm tra, đánh giá chứng cứ;...

*Năm là:* Nhận thức pháp luật của một số người tiến hành tố tụng trong các vụ án còn thiếu thống nhất; chưa làm rõ những vấn đề cần chứng minh trong vụ án, chưa tiến hành tổng hợp, đánh giá chứng cứ vụ án, tài liệu vụ án để xác định chính xác đối tượng, tội danh khởi tố và những vấn đề khác cần chứng minh trong vụ án hình sự; chưa thực hiện đầy đủ các thủ tục quy định trong BLTTHS, các vi phạm, thiếu sót, tồn tại về tố tụng còn lặp lại ở nhiều vụ án.

### ***Chương 3***

## **MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT TỐ TỤNG HÌNH SỰ VIỆT NAM VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG ĐÁNH GIÁ CHỨNG CỨ**

**3.1. Hoàn thiện pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam và các văn bản pháp luật khác có liên quan về đánh giá chứng cứ**

### ***3.1.1. Hoàn thiện pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam***

V Để nâng cao hơn nữa hiệu quả của việc đánh giá, sử dụng chứng cứ là vật chứng cần quy định bắt buộc phải đưa vật chứng ra xem xét tại phiên tòa. Kiến nghị sửa đoạn đầu Khoản 1 Điều 212 BLTTHS năm 2003 như sau: “*Vật chứng của vụ án phải được đưa ra xem xét tại phiên tòa*”, đoạn sau giữ nguyên.

Việc giao nộp các tài liệu, đồ vật chứa đựng các tình tiết có liên quan đến vụ án của cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp chỉ có ý nghĩa khi còn thời hạn chứng minh vụ án hình sự. Trên thực tế xảy ra trường hợp tài liệu, chứng cứ được giao nộp sau thời hạn mà luật tố tụng quy định cho từng giai đoạn tố tụng gây khó khăn cho quá trình giải quyết vụ án. Nếu các tài liệu, đồ vật này được thu thập kịp thời sẽ giúp cho việc giải quyết vụ án được thuận lợi, chính xác. Vì vậy BLTTHS cần quy định về thời hạn giao

nộp những tài liệu, đồ vật này. Kiến nghị sửa Điều 78 BLTTTHS như sau: “*Những tình tiết có liên quan đến vụ án được ghi trong tài liệu cũng như đồ vật do cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp có thể được coi là chứng cứ khi được giao nộp cho cơ quan tiến hành tố tụng trong thời hạn tố tụng. Việc giao nộp các tài liệu, đồ vật đó phải được lập thành biên bản theo quy định tại Điều 95 Bộ luật tố tụng hình sự*”. Để đấu tranh với những loại tội phạm này được thuận lợi, BLTTTHS cần quy định bổ sung thêm một số nguồn chứng cứ mới. Đồng thời cũng nêu rõ chứng cứ được xác định từ “những nguồn sau”, tránh việc nhầm lẫn chứng cứ và nguồn của chứng cứ. Điều 64 BLTTTHS sửa đổi như sau: “*Chứng cứ được xác định từ những nguồn sau:*

- *Vật chứng;*
- *Lời khai của người làm chứng, người bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người bị bắt, người bị tạm giữ, bị can, bị cáo;*
- *Kết luận giám định;*
- *Biên bản về hoạt động điều tra, xét xử và các tài liệu, đồ vật khác;*
- *Thư tín, băng ghi âm, ghi hình”*.

Điều 73 BLTTTHS bổ sung quy định thời gian tiến hành giám định như sau:

“1. Người giám định kết luận về vấn đề **chuyên môn** được yêu cầu giám định và phải chịu trách nhiệm cá nhân về kết luận đó.

*Kết luận giám định phải được thể hiện bằng văn bản.*

*Nếu việc giám định do một nhóm người giám định tiến hành thì tất cả các thành viên đều ký vào bản kết luận chung. Trong trường hợp có ý kiến khác nhau thì mỗi người ghi ý kiến kết luận của mình vào bản kết luận chung.*

2. Trong trường hợp cơ quan tiến hành tố tụng không đồng ý với kết luận giám định thì phải nêu rõ lý do, nếu kết luận chưa rõ hoặc chưa đầy

*đủ thì quyết định giám định bổ sung hoặc giám định lại.*

**3. Thời hạn giám định là 05 ngày đối với những vụ việc đơn giản, đối với những vụ việc phức tạp được gia hạn thêm không quá 05 ngày nữa”.**

### **3.1.2. Hoàn thiện văn bản pháp luật khác liên quan**

*Thứ nhất:* Cần sớm xây dựng thông tư liên ngành thống nhất cơ chế đảm bảo việc thực hiện quy định quyền đưa ra chứng cứ của những người tham gia tố tụng trong từng giai đoạn tố tụng nhằm đảm bảo việc thực hiện quy định quyền đưa ra chứng cứ của những người tham gia tố tụng trong từng giai đoạn tố tụng nhằm đảm bảo tính công khai, minh bạch, khách quan, toàn diện, đầy đủ và mở rộng quyền thu thập, xuất trình chứng cứ của người bào chữa nhằm đảm bảo yêu cầu của cải cách tư pháp về nâng cao chất lượng tranh tụng tại phiên tòa.

*Thứ hai:* Pháp lệnh Giám định tư pháp cần quy định cụ thể, rõ ràng về trình tự, thủ tục thực hiện giám định, cơ chế đánh giá kết luận giám định. Cụ thể:

- Về vấn đề người thực hiện giám định lại: để đảm bảo tính khách quan của kết luận giám định, giám định viên đã thực hiện giám định lần đầu không thực hiện việc giám định lại. Quy định này phù hợp với quy định của BLTTHS.

- Cần quy định rõ cơ chế đánh giá kết luận giám định và xác định rõ kết luận của cơ quan nào có giá trị pháp lý cao hơn trong trường hợp có nhiều kết luận giám định nhưng lại mâu thuẫn với nhau về cùng một vấn đề được trưng cầu giám định.

## **3.2. Giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động đánh giá chứng cứ**

### **3.2.1. Cơ chế quản lý, đào tạo cán bộ**

Đổi mới cơ chế tuyển dụng cán bộ tư pháp và cơ chế bổ nhiệm thẩm phán: Có cơ chế thu hút, tuyển chọn những người có tâm huyết, đủ đức, đủ tài vào làm việc tại cơ quan tư pháp. Mở rộng nguồn để bổ nhiệm vào các chức danh tư pháp, không chỉ là cán bộ trong các cơ quan tư pháp, mà còn

là các luật gia, luật sư. Cần có cơ chế đào tạo thẩm phán chuyên biệt và đào tạo lại (hoặc bồi dưỡng) chuyên môn theo định kỳ, khoảng 05 năm/lần có cơ chế điều chuyển và chọn thẩm phán có trình độ cao trong phạm vi từng tỉnh để xét xử những vụ án chuyên biệt.

### ***3.2.2. Đảm bảo cơ sở vật chất***

Ngành tòa án cần tiến hành bổ sung thêm chỉ tiêu thẩm phán cho các tỉnh còn thiếu để giải quyết tình trạng án tồn đọng hàng năm, tránh việc các thẩm phán phải xét xử quá nhiều so với chỉ tiêu và định mức.

Nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ Điều tra viên, Kiểm sát viên bằng cách mở lớp bồi dưỡng định kỳ, tập huấn biện pháp nghiệp vụ hoặc rút kinh nghiệm qua các sai sót về chứng cứ.

### ***3.2.3. Tăng cường sự phối hợp giữa Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án trong đánh giá chứng cứ***

Trong quá trình thu thập, kiểm tra và đánh giá chứng cứ để sử dụng trong giải quyết các vụ án hình sự thì phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng có ý nghĩa quan trọng, mỗi cơ quan, chủ thể tiến hành tố tụng cần làm tốt các nhiệm vụ, chức trách được giao của mình trên cơ sở quy định của pháp luật.

### ***3.2.4. Tăng cường vai trò tham gia và nâng cao chất lượng của người bào chữa trong quá trình giải quyết vụ án hình sự***

Để tạo điều kiện cho việc giải quyết vụ án được công bằng, có căn cứ và đúng pháp luật, bảo đảm sự tham gia của người bào chữa, luật sư, theo chúng tôi cần có những giải pháp cụ thể như sau: *Một là*, cần thay đổi nhận thức về địa vị pháp lý của người bào chữa trong tố tụng hình sự. *Hai là*, về mặt tổ chức và hoạt động nghề nghiệp, cần nâng cao chất lượng chuyên môn và đạo đức nghề nghiệp của Luật sư cho tương xứng với vị trí, vai trò và các giá trị xã hội cao quý mà hoạt động nghề nghiệp luật sư mang lại cho sự phát triển xã hội dân chủ, văn minh, đáp ứng được yêu cầu công cuộc đổi mới nói chung, cải cách tư pháp nói riêng. *Ba là*, tăng cường quy



định về thù lao đối với Luật sư, đặc biệt là các vụ án bào chữa theo chỉ định, liên quan đến các vụ án nghiêm trọng, phức tạp có khung hình phạt áp dụng đối với bị cáo đến chung thân hoặc tử hình, hay bị cáo có nhược điểm về thể chất hay tinh thần, nếu không dễ dẫn đến họ chỉ tham gia cho xong nghĩa vụ, mà ít quan tâm đến việc phán quyết của Hội đồng xét xử như vậy đã đúng chưa, chứng cứ thế nào, quá trình chứng minh ra sao... Cần gắn trách nhiệm của họ hơn nữa trong bất kỳ vụ án nào. *Bốn là*, cần nâng cao đạo đức nghề nghiệp của Luật sư. *Năm là*, cần quy định chặt chẽ hơn trong quy định về tiêu chuẩn, trong khâu tuyển chọn, tập sự hành nghề Luật sư, kiểm tra kết quả tập sự, cấp chứng chỉ hành nghề và bồi dưỡng phẩm chất đạo đức.

## KẾT LUẬN

Chứng cứ là phương tiện để chứng minh tội phạm, người phạm tội và dùng để xác định những tình tiết khác cần thiết cho việc giải quyết đúng đắn vụ án hình sự, cho nên nó xuất hiện cùng với cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm. Trong các xã hội có chế độ chính trị khác nhau, có những quan niệm về chứng cứ khác nhau và những quy định của pháp luật về thu thập, kiểm tra và đánh giá để sử dụng chứng cứ cũng khác nhau. Trên cơ sở nghiên cứu pháp luật tố tụng hình sự của một số nước Liên bang Nga, Trung Quốc, Pháp, Nhật Bản, Thái Lan, Hàn Quốc, Malaysia, Bungari, Rumani v.v... cho thấy: pháp luật tố tụng hình sự các nước đó có điểm chung trong tương quan với pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam về khái niệm chứng cứ, phân loại chứng cứ, các loại nguồn chứng cứ v.v... từ đó làm tư liệu quý báu để các nhà làm luật nước Tòa án tham khảo trong quá trình sửa đổi, bổ sung BLTTHS hiện hành về chứng cứ.

Thực tiễn cho thấy, kể từ khi BLTTHS năm 2003 có hiệu lực cho đến nay, việc áp dụng những quy định của pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam về chứng cứ để giải quyết các vụ án hình sự của các cơ quan tiến hành tố

tụng đều bảo đảm xác định đủ và đúng các đối tượng cần chứng minh trong vụ án hình sự, việc xác định nguồn chứng cứ, các thuộc tính của chứng cứ và tuân thủ đúng các nguyên tắc, trình tự của BLTTHS về thu thập, kiểm tra và đánh giá chứng cứ, qua đó góp phần phát hiện tội phạm, xác định đúng người phạm tội, nâng cao hiệu quả trong công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm, đem lại công lý, công bằng xã hội, cũng như minh oan cho người vô tội. Tuy nhiên, bên cạnh những ưu điểm, kết quả đạt được trong thực tiễn áp dụng những quy định của pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam hiện hành về chứng cứ, công tác này còn gặp nhiều tồn tại, thiếu sót trong hoạt động chứng minh của các CQĐT, VKS và Tòa án, cũng như trong việc áp dụng những quy định khác về chứng cứ của các cơ quan này. Tất cả những hạn chế này ảnh hưởng không nhỏ đến quá trình chứng minh trong vụ án hình sự, làm giảm hiệu quả công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm, chưa bảo đảm lợi ích của Nhà nước, của tổ chức và của công dân, làm ảnh hưởng đến uy tín của các cơ quan bảo vệ pháp luật.

Từ việc nghiên cứu, đánh giá thực tiễn và chỉ ra các nguyên nhân khách quan và chủ quan cơ bản, luận án đã chỉ ra sự cần thiết của việc hoàn thiện và nâng cao hiệu quả áp dụng những quy định của pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam hiện hành về chứng cứ là một yêu cầu cấp thiết nhằm thực hiện đúng đắn, kịp thời chủ trương, đường lối của Đảng, Nhà nước về cải cách tư pháp trong điều kiện xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam xã hội chủ nghĩa của dân, do dân và vì dân.